TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 19-9-2019.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Lê Đình Nhung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 485/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1967; có mặt.

Địa chỉ hộ khẩu: Ấp A, xã C, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú: Ấp B, xã T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà Trầm Thị L, sinh năm 1962; có mặt.

Địa chỉ hộ khẩu: Ấp A, xã C, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú: Ấp B, xã T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Đặng Văn Đ trình bày:

Ông và bà L tự chung sống với nhau vào năm 1990, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Khi cùng chung sống, ông về sống chung nhà của bà L tại ấp A, xã C, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng cùng làm ruộng sinh sống. Năm

2001, vợ chồng ông đến thuê nhà trọ tại Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm công nhân. Đến năm 2006, vợ chồng ông cùng đến huyện Trảng Bàng sinh sống và làm việc tại Công ty O thuộc ấp B, xã T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cho đến nay. Tuy vợ chồng ông có chuyển đi nơi khác sinh sống nhưng không đăng ký hộ khẩu ở nơi nào khác, vợ chồng ông chỉ đăng ký hộ khẩu tại ấp A, xã C, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Cuộc sống vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ đầu năm 2019, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp với nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không thể thông cảm cho nhau. Bà L là người bảo thủ, nóng tính, luôn làm theo ý mình mà không lắng nghe ý kiến của ông. Tuy vợ chồng chỉ vừa bắt đầu mâu thuẫn nhưng tình cảm của ông giành cho bà L đã phai nhạt từ khoảng 10 năm nay, không còn cảm thấy hạnh phúc. Vợ chồng ông hiện đang sinh sống trong ký túc xá của công ty, mỗi người một phòng, vợ chồng ông đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn bà L.

Về con chung: Vợ chồng ông không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng ông không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trầm Thị L trình bày:

Bà thừa nhận thời gian chung sống với ông Đ, không đăng ký kết hôn, nơi cư trú và việc đăng ký hộ khẩu như ông Đ trình bày là đúng. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ khoảng tháng 3-2019, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, không thông cảm cho nhau. Tuy nhiên, bà nghi ngờ ông Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác vì bà bắt gặp ông Đ cùng người này thường đi chơi, ca hát với nhau và đăng những hình ảnh thân mật trên mạng xã hội. Mặt khác, ông Đ còn nhiều lần đăng bài viết có nội dung xúc phạm bà trên mạng xã hội. Vợ chồng bà hiện đang sinh sống trong ký túc xá của công ty, tuy mỗi người một phòng nhưng vợ chồng vẫn chưa ly thân. Nay bà không đồng ý ly hôn ông Đ, yêu cầu được đoàn tụ cùng ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng bà không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đặng Văn Đ và bà Trầm Thị L.

Về con chung: Ông Đ và bà L không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà L tự nguyện chung sống với nhau vào khoảng năm 1990, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp nên không thể thông cảm cho nhau, thường xuyên gây gỗ với nhau. Tại phiên tòa, ông Đ vẫn giữ yêu cầu được ly hôn, bà L yêu cầu được đoàn tụ cùng ông Đ. Tuy nhiên, ông Đ cung cấp cho Tòa án đơn xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Sóc Trăng về việc ông chung sống với bà L nhưng không đăng ký kết hôn. Mặc dù sau khi chung sống với nhau, ông Đ và bà L có nhiều lần chuyển đến nơi khác sinh sống nhưng cả ông Đ và bà L đều thừa nhận ông, bà chỉ đăng ký hộ khẩu tại ấp A, xã C, huyện P, tỉnh Sóc Trăng, ngoài ra không đăng ký hộ khẩu tại nơi nào khác. Tại phiên tòa, ông Đ và bà L đều xác định việc ông, bà từ khi chung sống với nhau như vợ chồng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân của ông Đ và bà L là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đ và bà L là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Ông Đ và bà L không có con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đặng Văn Đ và bà Trầm Thị L.

2. Về con chung: Ông Đ và bà L không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Ông Đặng Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017362 ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Thư